

Mẫu số 10. Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai

UBND PHƯỜNG TÂN TRIỀU
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG
VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 249/PC_CMĐ_PKTHTĐT

Đồng Nai, ngày 18 tháng 08 năm 2026

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi: Thuế cơ sở 3 thành phố Đồng Nai

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC

- Mã số hồ sơ thủ tục hành chính⁽¹⁾: H19.206-260804-2249
- Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ⁽²⁾: 04/8/2026
- Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính⁽³⁾: Chuyển mục đích sử dụng

II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

- Tên⁽⁴⁾: bà Huỳnh Thị Ánh Tuyết
 - Địa chỉ: ⁽⁵⁾khu phố Tân Trạch, phường Tân Uyên, thành phố Hồ Chí Minh
 - Số điện thoại liên hệ: 075166009220 Email (nếu có):
 - Mã số thuế (nếu có):
 - Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân⁽⁶⁾: 075166009220
- Loại giấy tờ: Căn cước công dân

III. THÔNG TIN VỀ THỬA ĐẤT/KHU ĐẤT

- Thửa đất số⁽⁸⁾: 984; Tờ bản đồ số: 56
- Địa chỉ tại: phường Tân Triều, thành phố Đồng Nai
- Giá đất

Đường: Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐDC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐDC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐDC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐDC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng; Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.

Đoạn đường:

Vị trí: Đất ở đô thị: Vị trí 1 - Phạm vi 1;

Loại giá	Đơn giá (VNĐ/m ²)
Giá đất theo bảng giá:	Đất trồng cây lâu năm: 250.000 đồng/m ² ;
Hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có)	Đất trồng cây lâu năm: 1.45; Đường đất: 0,9
Giá đất cụ thể:	
Giá trúng đấu giá:	

Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:	Đất trồng lúa nước còn lại: 250.000 đồng/m ² ; Đất trồng lúa nước còn lại: hệ số điều chỉnh: 1.45; Đường đất: 0,9
4. Diện tích thửa đất: 1874,0 m² - Diện tích sử dụng chung: 0 m² - Diện tích sử dụng riêng: 1874,0 m² - Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 890.4m² - Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m² - Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 890.4 m² - Diện tích đất trong hạn mức: m² - Diện tích đất ngoài hạn mức: 890.4 m² 5. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất trồng cây lâu năm: Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất 6. Mục đích sử dụng đất ⁽⁹⁾: Đất trồng cây lâu năm: 890.4 Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: trồng lúa nước còn lại 7. Thời hạn sử dụng đất: - Ổn định lâu dài: ☒ ☐ - Có thời hạn: năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:/...../..... - Gia hạn năm. Từ ngày .../.../..... đến ngày: .../.../..... 3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày: 3.1.9. Hình thức sử dụng đất⁽¹⁰⁾: 3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất⁽¹¹⁾:	
IV. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM TRONG LÒNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC	
1. Đối với thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất (<i>không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất và không phải là đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm</i>): - Diện tích đất: m² - Giá đất tính tiền thuê đất: 2. Đối với thuê đất có mặt nước: - Diện tích đất: m² - Diện tích mặt nước: m² - Giá đất để tính tiền thuê đất của phần diện tích đất:	

V. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH (chỉ áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân được ghi nợ) 1. Trường hợp ghi nợ: 2. Thời điểm bắt đầu ghi nợ: 3. Tiền sử dụng đất: 4. Lệ phí trước bạ:
VI. THÔNG TIN MIỄN, GIẢM TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT Miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: Giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất:.....
VII. THÔNG TIN CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH¹ 1. Chi phí hạ tầng: 1.1. Số văn bản: Ngày: 1.2. Số tiền: 2. Các khoản giảm trừ khác: 2.1. Số văn bản: 2.2. Ngày quyết định: 2.3. Số tiền: 2.4. Loại giảm trừ:
VIII. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP Phiếu chuyển thuế điện tử Tờ khai thuế phi nông nghiệp
GHI CHÚ: Thửa đất số(8): 984; Tờ bản đồ số: 56 thuộc Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Hương lộ 15 đoạn từ Bên trái: hết ranh thửa đất số 36, tờ BĐĐC số 63; Bên phải: hết ranh thửa đất số 249, tờ BĐĐC số 2 đến Bên trái: hết ranh thửa đất số 114, tờ BĐĐC số 54; bên phải: hết ranh thửa đất số 361, tờ BĐĐC số 51 có hiện trạng là đường nhựa, bề rộng xi măng: Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$. . Đường đất

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Lê Duy Quang